

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *123* /TM-BVN

Thái Bình, ngày *14* tháng 3 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất; Nhà cung cấp hoá chất, vật tư y tế tại Việt Nam.

Bệnh viện Nhi Thái Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm hoá chất, vật tư y tế phẫu thuật tim mạch của Bệnh viện Nhi Thái Bình năm 2024 với nội dung cụ thể sau:

I. Thông tin của đơn vị mời báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Thái Bình; Địa chỉ: Số 02, phố Tôn Thất Tùng, phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- DsCKI. Vũ Tú Anh; phòng Kế hoạch tổng hợp; số điện thoại: 0982.811.807;

Địa chỉ email: p.khth.bvn@gmail.com.

3. Cách tiếp nhận báo giá.

- Bản giấy: Gửi về DsCKI. Vũ Tú Anh, phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Nhi Thái Bình; Số 02, phố Tôn Thất Tùng, phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình; Số điện thoại liên hệ: 02273.643.282.

- File mềm: gửi vào email: p.khth.bvn@gamil.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h00 ngày 14 tháng 3 năm 2024 đến trước 17h00' ngày 24 tháng 3 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 14/3/2024.

II. Nội dung mời báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế: Chi tiết theo *Phụ lục 01* kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp vật tư y tế: Bệnh viện Nhi Thái Bình (số 02, phố Tôn Thất Tùng, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình)

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Giao hàng làm nhiều lần theo nhu cầu của bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Thanh toán: Thanh toán làm nhiều lần trên cơ sở hóa đơn, biên bản bàn giao, nghiệm thu của từng lần giao, nhận hàng hoặc thanh toán một lần sau khi thanh lý hợp đồng.

5. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá theo *mẫu phụ lục 02* đính kèm.

Bệnh viện Nhi Thái Bình kính mời các Hãng sản xuất, Công ty, Doanh nghiệp, Nhà cung cấp hoá chất, vật tư y tế tại Việt Nam có năng lực, kinh nghiệm và khả năng cung cấp tham gia báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên.

Bệnh viện Nhi Thái Bình xin trân trọng cảm ơn. / *A(Au)*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Trọng Kiêm

PHỤ LỤC 02: BIỂU MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời số: /TB-BVN, ngày /3/2024 của Bệnh viện Nhi Thái Bình)

TÊN ĐƠN VỊ CHÀO GIÁ

Số:...



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm 2024

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Thái Bình

Trên cơ sở Thư mời báo giá số:....../TB-BVN, ngày.....tháng.... năm 2024 của Bệnh viện Nhi Thái Bình, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hoá chất, vật tư như sau:

1. Báo giá cho các hoá chất, vật tư y tế và dịch vụ liên quan.

STT	Danh mục thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Phân loại TTB YT	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Năm sản xuất	Hãng sản xuất/Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá	Chi phí cho dịch vụ liên quan (VND)	Kết quả trúng thầu trong vòng 12 tháng (tại đơn vị nào)	Quyết định trúng thầu số	Thành tiền (VND)
1	Danh mục A													
2	Danh mục B													
3														

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng... năm ...[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng...năm ...[ghi ngày...tháng...năm...kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng..... năm

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ, HOÁ CHẤT MUA SẴM PHỤC VỤ PHẪU THUẬT TIM MẠCH NĂM 2024

(Kèm theo Thư mời báo giá số: 123 /TM-BVN ngày 14/3/2024 của Bệnh viện Nhi Thái Bình)

STT	Mã VTYT theo TT 04/2017/TT-BYT	Tên hàng hoá, vật tư, hoá chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	N02.01.070	Màng Dán phẫu thuật kháng khuẩn có Iodine 60cm x 45 cm	- Vô khuẩn - Chất liệu : Polyester film, chứa Iodophor kháng khuẩn. - Chất dính: Acrylate - Kích thước: 60cm x 45cm.	10 Miếng	Miếng	10	
2	N02.01.070	Băng sau phẫu thuật có gạc (9x15)cm	- Đóng gói vô trùng riêng từng miếng, bao bì plastic chống thấm nước. - Gạc màu trắng sợi vải không dệt, thấm hút tốt, không dính vào vết thương. - Lớp film Polyurethane trong suốt chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, bệnh nhân có thể tắm bình thường. - Kích thước 9cm x 15cm	Hộp 50 miếng	Miếng	50	
3	N02.04.030	Keo phẫu thuật sinh học gắn dán và gia cố mô 5ml	Chức năng/ công dụng: - Bịt kín kẽ hở, dính bề mặt và gia cố các mô mềm - Chỉ định với mô tại tim, mạch máu, phổi, sinh dục, màng cứng, đường tiêu hóa (thực quản, dạ dày - ruột non, đại trực tràng), các bộ phận khác trong ổ bụng (tuyến tụy, lá lách, gan và mật) và trong định hình miếng phẫu thuật trong sửa chữa thoát vị Chất liệu/ thành phần: Là loại protein hydrogel chứa BSA và 65% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (45%) và glutaraldehyde (10%). Thể tích: 5ml Tiêu chuẩn đóng gói: được cung cấp tiệt trùng bao gồm 1 tuýp 5ml keo và 4 đầu bơm keo tiêu chuẩn Đặc điểm kỹ thuật: - Chịu được áp lực hơn 450mmHg - Có độ bền và độ bám dính tối ưu Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/ CE	2ml/Lọ/Hộp	Lọ	10	
4	N02.04.050	Sáp cầm máu xương	Miếng sáp cầm máu xương 2.5 gram. Đóng gói tiệt trùng bằng tia gama từng miếng. Thành phần: Sáp ong trắng (85%), Isopropyl Palmitate (15%)	1 miếng / túi	Miếng	10	

STT	Mã VTYT theo TT 04/2017/TT-BYT	Tên hàng hoá, vật tư, hoá chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
5	N02.04.050	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu	Vật Liệu cầm máu PAHACEL Standard dạng lưới mỏng, được sản xuất từ 100% vật liệu hữu cơ Oxy hóa Cellulose tái tổ hợp. Độ PH thấp (2,4) . Hàm lượng Carboxyl : 18,2 (Theo tiêu chuẩn USP hiện tại). Cầm máu nhanh trong vòng 2-3 phút, dễ bám dính vào vết thương và tự tiêu hoàn toàn sau 7 tới 14 ngày. Sợi vải màu trắng, hơi phai màu vàng nhẹ, mùi thơm caramel, sợi vải khỏe, có thể khâu hoặc cắt mà không bị sòn, lưới mềm, dễ thao tác, bám tốt vào bề mặt không bằng phẳng. Có thể cắt, khâu sử dụng trong các phẫu thuật khác nhau. Đóng gói tiệt trùng bằng tia Gamma, kháng khuẩn tốt. - Kích thước: 10 x 20cm - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp 10 miếng	Miếng	10	
6	N02.04.050	Bột cầm máu tự tiêu loại 3g	Thành phần: Là polysaccharide có nguồn gốc từ thực vật, không chứa thành phần có nguồn gốc động vật hoặc con người. Đặc điểm: hấp thụ nước nhanh chóng từ máu làm nồng độ hồng cầu, tiểu cầu và protein đông máu tại vị trí chảy máu - hấp thụ trong cơ thể sau vài ngày - Tính tương thích sinh học cao và siêu ưa nước Chỉ định: Là vật liệu hỗ trợ cầm máu khi kiểm soát chảy máu mao mạch, tĩnh mạch hoặc tiểu động mạch - ngăn ngừa dính sau phẫu thuật Tiêu chuẩn chất lượng: CE	5 gói/ hộp	Gói	10	
7	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch an toàn trẻ em 24G	Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau Đầu kim 3 mặt vát. - Cathether nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon.Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau - Cathether nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Màng kỵ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút, Tốc độ chảy 1320 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016. Chứng nhận EC. ISO 10555-5 - Bảng sáng chế : 1-0016123 (Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam) - Chứng nhận 510k của FDA	Hộp 50 cái	Cái	200	
8	N03.03.020	Kim gốc động mạch chủ	Cannula gốc động mạch chủ cỡ 16G (5Fr); 18G (4 Fr) dài 14cm.	1cái/ túi	Cái	20	

STT	Mã VTYT theo TT 04/2017/TT-BYT	Tên hàng hoá, vật tư, hoá chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
9	N03.05.010	Dây truyền	Chiều dài dây 180cm. Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm - Chịu được áp lực đến 2 bar. Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí. Màng lọc dịch 15 µm. Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock - Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Bao bì thân thiện với môi trường theo 94/62/EC - Có chứng nhận EN ISO 13485:2016. Chứng nhận EC	1 túi/ bộ	Bộ	100	
10	N03.05.060	Chạc 3 có dây 25cm	Chất liệu Polyamid, không bị nứt gãy, không bị rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo - Chịu được áp lực dưới 2 bar - Dây nối có đường kính trong 3 mm và đường kính ngoài 4.1 mm - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch - Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Có chứng nhận EN ISO 13485:2016. Chứng nhận EC	Hộp 25 cái	Cái	25	
11	N03.05.060	Chạc ba không dây Brawn	Chất liệu Polyamid, Không nứt gãy; không bị rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo - Chịu được áp lực dưới 2 bar - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch - Có chứng nhận EN ISO 13485:2016. Chứng nhận EC	Hộp 50 cái	Cái	100	
12	N04.01.010	Cannula động mạch các cỡ	Cannulae động mạch mũi cong 135 độ, có lò xo xoắn tăng cường, chiều dài hiệu dụng 22cm, có thể kết với Connector (cút nối)	01 cái/ gói	Cái	20	
13	N04.01.010	Cannula tĩnh mạch các cỡ	Cannulae tĩnh mạch một tầng, mũi cong 90 độ, có lò xo xoắn tăng cường, độ dài hiệu dụng 26cm. Đường kính 12Fr, 14Fr, 16Fr	01 cái/ gói	Cái	30	
14	N04.01.010	Cannulae dẫn lưu tim trái các cỡ	Cannulae hút tim trái có thông khí cỡ 10Fr, 13Fr, 15Fr ... (các cỡ) với đầu có lỗ thông dài 38.1cm	1cái/ túi	Cái	20	

STT	Mã VTYT theo TT 04/2017/TT-BYT	Tên hàng hoá, vật tư, hoá chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
15	N04.01.090	Thông foley 2 nhánh các số 6.0	- Đóng gói kín, từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở bao, có hạn sử dụng. - Đầu ống có 02 lỗ, đầu tít và sợi cân quan màu xám đen; - Bóng: Kịch thước 3cc; cân đối, có khả năng đàn hồi, chất liệu không có chất DEHP. - Thân ống: + Đường kính trong 2.7mm; chiều dài: 30cm; chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon + Thành ống dày, chống gãy gấp, không bị xẹp. xoắn vặn trong khi đang lưu ở người bệnh, - Có 02 nhánh, 01 nhánh có van cao su (van mềm), 01 nhánh có van nhựa (van cứng)	1 cái/ túi	Cái	10	
16	N04.01.090	Thông foley 2 nhánh các số 8.0	- Đóng gói kín, từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở bao, có hạn sử dụng. - Đầu ống có 02 lỗ, đầu tít và sợi cân quan màu xám đen; - Bóng: Kịch thước 3cc; cân đối, có khả năng đàn hồi, chất liệu không có chất DEHP. - Thân ống: + Đường kính trong 2.7mm; chiều dài: 30cm; chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon + Thành ống dày, chống gãy gấp, không bị xẹp. xoắn vặn trong khi đang lưu ở người bệnh, - Có 02 nhánh, 01 nhánh có van cao su (van mềm), 01 nhánh có van nhựa (van cứng)	1 cái/ túi	Cái	10	
17	N04.02.000	Ống dẫn lưu lồng ngực Silicone cỡ 2	- Chất liệu silicone chiều dài 35-50 cm Đường kính 2.0 x 1.0mm	1 cái/ túi	Cái	20	
18	N04.02.000	Ống dẫn lưu lồng ngực Silicone cỡ 3	- Chất liệu silicone chiều dài 35-50 cm Đường kính 3.0 x 1.0mm	1 cái/ túi	Cái	20	
19	N04.02.000	Ống dẫn lưu lồng ngực Silicone cỡ 4	- Chất liệu silicone chiều dài 35-50 cm Đường kính 4.0 x 1.0mm	1 cái/ túi	Cái	20	
20	N04.02.000	Ống dẫn lưu lồng ngực Silicone cỡ 5	- Chất liệu silicone chiều dài 35-50 cm Đường kính 5.0 x 1.0mm	1 cái/ túi	Cái	20	

STT	Mã VTYT theo TT 04/2017/TT-BYT	Tên hàng hoá, vật tư, hoá chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
21	N04.02.000	Ống dẫn lưu lồng ngực Silicone cỡ 6	- Chất liệu silicone chiều dài 35-50 cm Đường kính 6.0 x 1.0mm	1 cái/ túi	Cái	20	
22	N04.03.070	Dây chạy máy tim phổi nhân tạo các loại, các cỡ	Phẫu thuật gồm: 4 đoạn dây PVC, trên các đoạn dây có các đầu nối thẳng, có đầu hút dịch đi kèm. Dùng trên bơm gồm: 3 khóa ống 4 chiều và 9 đoạn dây. Kết nối gồm: 9 đầu kết nối. Lọc động mạch gồm: đầu kết nối chữ Y, các đoạn dây PVC, 1 đầu chữ Y có nắp bịt. Mỗi dịch gồm: đoạn dây PVC dài 158" kích thước 1/4 x 1/16.	1 bộ/hộp	Bộ	20	
23	N04.04.010	Tĩnh mạch trung ương 3 nòng CERTOFIX TRIO V720	Catheter Tĩnh Mạch Trung Tâm - Bộ có phủ chất kháng khuẩn, 3 nòng, dài 20cm, Kim dẫn chữ V Guidewire dẫn đường đầu chữ J dao mổ và kim nong bằng nhựa Catheter tĩnh mạch trung tâm có Polyhexanide kháng khuẩn, đường kính ngoài 7F, chiều dài 20cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G16, G18,G18 Đầu nối catheter có valve 2 chiều dây điện cực để đo ECG	Hộp 10 bộ	Bộ	5	
24	N05.02.030	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene, số 5/0	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene, số 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn 13mm, 1/2. Tép dạng dài coropak giảm nhớ hình. Tiêu chuẩn CE và FDA	36 sợi/hộp	Sợi	108	
25	N05.02.030	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene, số 6/0	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene, số 6/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn 10mm, 3/8C. Tép dạng dài coropak giảm nhớ hình. Tiêu chuẩn CE và FDA	36 sợi/hộp	Sợi	108	
26	N05.02.030	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene, số 7/0	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene, số 7/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn 8mm, 3/8C. Tép dạng dài coropak giảm nhớ hình. Tiêu chuẩn CE và FDA	36 sợi/hộp	Sợi	108	
27	N05.02.030	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene, số 8/0	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene, số 8/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn 6,4mm, 3/8C. Tép dạng dài coropak giảm nhớ hình. Tiêu chuẩn CE và FDA	36 sợi/hộp	Sợi	108	
28	N05.02.030	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp polypropylene số 5.0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene có phụ gia polyethylene glycol chống xước chỉ số 5/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn CV-22 dài 13 mm, kim 1/2 vòng tròn, kim Surgalloy phủ sắc bền bằng công nghệ NuCoat	Hộp/36 sợi	sợi	108	

STT	Mã VTYT theo TT 04/2017/TT-BYT	Tên hàng hoá, vật tư, hoá chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
29	N05.02.030	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp polypropylene số 6.0	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, chất liệu Polypropylene và thêm Polyethylen giúp sợi chỉ bền chắc và mượt mà. Sợi chỉ số 6-0, dài 75cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn CV-1, dài 9mm, kim cong 3/8vòng tròn, loại kim SURGALLOY độ đàn hồi cao, được phủ sắc bén theo công nghệ Nucoat. Đóng gói theo công nghệ NuPack tối thiểu nhớ hình	Hộp/36 sợi	sợi	108	
30	N05.02.030	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp polypropylene số 7.0	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, chất liệu Polypropylene và thêm Polyethylen giúp sợi chỉ bền chắc và mượt mà. Sợi chỉ số 7-0, dài 60cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn CV-351, dài 8mm, kim cong 3/8 vòng tròn, loại kim surgalloy linh hoạt, được phủ sắc bén theo công nghệ Nucoat. Đóng gói theo công nghệ NuPack tối thiểu nhớ hình	Hộp/36 sợi	sợi	108	
31	N05.02.030	Chỉ khâu không tiêu Chi PTFE 2.0	Chỉ khâu không tiêu, vật liệu pPTFE; chiều dài chỉ 75 cm; loại 2 kim, kím 1/2, chiều dài kim 17mm; đường kính kim 0,51 mm; cỡ 2/0.	Hộp 12 sợi	Sợi	48	
32	N05.02.030	Chỉ khâu không tiêu Chi PTFE 3.0	Chỉ khâu không tiêu, vật liệu pPTFE; chiều dài chỉ 75 cm; loại 2 kim, kím 3/8, chiều dài kim 13mm; đường kính kim 0,33 mm; cỡ 3/0.	Hộp 12 sợi	Sợi	48	
33	N05.02.030	Chỉ khâu không tiêu Chi PTFE 4/0	Chỉ khâu không tiêu, vật liệu pPTFE; chiều dài chỉ 75 cm; 2 kim, loại kím 3/8, chiều dài kim 13mm; đường kính kim 0,33 mm; cỡ 4/0.	Hộp 12 sợi	Sợi	48	
34	N05.02.030	Chỉ khâu không tiêu Chi PTFE 5/0	Chỉ khâu không tiêu, vật liệu pPTFE; chiều dài chỉ 75 cm; 2 kim, loại kím 3/8, chiều dài kim 13mm; đường kính kim 0,24 mm; cỡ 5/0.	Hộp 12 sợi	Sợi	50	
35	N05.02.030	Chỉ phẫu thuật MERSILK 3/0	Chỉ silk không tan tự nhiên đa sợi 3/0, không kim, 13 sợi, dài 60cm.	Hộp 36 sợi	Sợi	36	
36	N05.02.030	Chỉ phẫu thuật MERSILK 4/0	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính chỉ 4/0, dài 75cm, màu đen, phủ wax/silicon Kim làm bằng Thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420), kim Premium, công nghệ U-filo, phủ silicon. Kim đầu tam giác, dài 18mm, cong 3/8C	Hộp 36 sợi	Sợi	36	

STT	Mã VTYT theo TT 04/2017/TT-BYT	Tên hàng hoá, vật tư, hoá chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
37	N05.02.030	Chỉ silicon cặp mạch máu cỡ 3mm x 200 mm	- Chất liệu 100% silicon y tế thiết kế được bằng bạch kim, Kích thước: 2,4mm x 1,15mm, chiều dài :200 mm	10 sợi / hộp	Sợi	10	
38	N05.02.030	Chỉ silicon cặp mạch máu cỡ 2mm x 200 mm	- Chất liệu 100% silicon y tế thiết kế được bằng bạch kim, Kích thước: 1,3mm x 0,9mm, chiều dài :200 mm	10 sợi / hộp	Sợi	10	
39	N05.02.070	Chỉ thép các số 1	Chỉ thép khâu xương ức số 1, dài 45cm, kim tròn đầu cắt phủ silicone 1/2 vòng tròn dài 37mm, mỗi gói 4 sợi, chất liệu thép không gỉ 316L, đàn hồi, độ sắc cao. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	túi 5 sợi	Túi	10	
40	N05.02.070	Chỉ thép các số 2	Chỉ thép số 2, chất liệu là thép không gỉ 316L, sợi dài 45cm, thẳng, kim tam giác ngược GS-12 dài 40mm, cong 1/2 vòng tròn	túi 5 sợi	Túi	10	
41	N05.02.070	Chỉ thép các số 3	Chỉ thép số 3, chất liệu là thép không gỉ 316L, sợi dài 45cm, thẳng, kim tam giác ngược GS-12 dài 40mm, cong 1/2 vòng tròn	túi 5 sợi	Túi	5	
42	N05.02.070	Chỉ thép các số 4	Chỉ thép khâu xương ức số 4 bằng thép không gỉ dài 45cm, 1 kim tròn đầu cắt V-40 dài 48mm, 1/2 Vòng tròn, độ bền kéo của kim $\geq 2500\text{Mpa}$. Hộp 12 tép, tép 4 sợi, đóng gói thẳng	túi 5 sợi	Túi	5	
43	N05.02.070	Chỉ điện cực tim	Chỉ điện cực tim số 3/0, mỗi gói 2 sợi xanh trắng, 1 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 13mm, 1 kim thẳng dài 51mm. Kim phủ silicone. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Hộp 12 sợi	Sợi	48	
44	N05.03.060	Lưỡi cưa xương ức các cỡ	Lưỡi cưa thường được làm từ thép trắng chất lượng cao, với phần răng cưa được tôi cứng để tăng độ bền và hiệu quả cắt.	1 cái/ hộp	Cái	10	
45	N05.03.080	Lưỡi dao số 15	Chất liệu thép không gỉ, vô trùng	Hộp 100 cái	Cái	100	

STT	Mã VTYT theo TT 04/2017/TT-BYT	Tên hàng hoá, vật tư, hoá chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
46	N06.05.040	Miếng vá màng tim bò cỡ 7x7 (Miếng vá sinh học, vá tim)	- Chất liệu bằng màng tim bò chất lượng cao. Độ dày collagen đồng nhất, độ bền kéo đặc biệt, không yêu cầu chỉ khâu đặc biệt. - Kích thước miếng vá 7x7cm - Độ dày từ khoảng 0,25mm đến 0,4mm	1 miếng/ Hộp	Miếng	5	
47	N06.05.040	Miếng vá sinh học, vá tim, vá mạch máu cỡ 4x6cm	- Chất liệu: màng ngoài tim bò - Chỉ định: để tái tạo mạch máu và thủ thuật cắt bỏ nội mạc mạch. Sử dụng công nghệ mô tương tự để hoàn thiện cho van tim - Đặc điểm: Tương thích sinh học, Độ bền kéo và khả năng duy trì độ chắc chắn của chỉ khâu tuyệt vời, Không yêu cầu chỉ khâu đặc biệt, Độ dày Collagen đồng nhất, Cắt dễ dàng để có hình dạng kích thước mong muốn. - Độ dày 0,35mm-0,75mm. Cỡ 4x6cm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA	1 miếng/ Hộp	Miếng	5	
48	N06.05.040	Miếng vá sinh học, vá tim, vá mạch máu cỡ 4x4cm	- Chất liệu: màng ngoài tim bò - Chỉ định: để tái tạo mạch máu và thủ thuật cắt bỏ nội mạc mạch. Sử dụng công nghệ mô tương tự để hoàn thiện cho van tim - Đặc điểm: Tương thích sinh học, Độ bền kéo và khả năng duy trì độ chắc chắn của chỉ khâu tuyệt vời, Không yêu cầu chỉ khâu đặc biệt, Độ dày Collagen đồng nhất, Cắt dễ dàng để có hình dạng kích thước mong muốn. - Độ dày 0,35mm-0,75mm. Cỡ 4x4cm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA	1 miếng/ Hộp	Miếng	2	
49	N06.05.040	Miếng vá nhân tạo Neuro Patch	Miếng vá nhân tạo kích thước 4x5cm, chất liệu polyester-urethane, lớp phủ chống thấm tính đàn hồi cao.	1 miếng/ Hộp	Miếng	5	
50	N07.01.020	Dây truyền dung dịch liệt tim các loại, các cỡ	Gồm 1 đầu cắm vào túi dịch liệt tim, dẫn dung dịch liệt tim vào bầu lọc. 1 đoạn dây đầu vào bầu lọc nữa để đuổi khí. Đầu ra của bầu lọc là 1 đoạn dây có 1 khóa nhựa trên dây. Trồng đo áp lực nối 2 đầu ra vào bởi 2 đoạn dây 1/8", trên đoạn dây này có 1 khóa 3 chạc.	1 bộ / túi	Bộ	20	

STT	Mã VTYT theo TT 04/2017/TT-BYT	Tên hàng hoá, vật tư, hoá chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
51	N07.01.211	Phổi nhân tạo cáccỡ (Phổi tích hợp lọc động mạch - Capiiox FX Oxygenator)	Phổi nhân tạo phủ lớp chống kết dính tiểu cầu và giảm các phản ứng huyết tương, diện tích màng trao đổi 0.5m²; tích hợp phin lọc động mạch lỗ cỡ 32 Micron. 1. Chất liệu màng lọc: Polypropylene có lỗ siêu nhỏ (Micropous Polypropylene) 2. Diện tích màng lọc: 0.5m². 3. Phin lọc động mạch: chất liệu Polyester, lỗ cỡ 32 4. Lớp phủ bề mặt sinh học: Xcoating 5. Cấu trúc màng lọc sợi rỗng (Hollow fiber) 6. Chất liệu phần trao đổi nhiệt: Thép không gỉ (Stainless Steel) 7. Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: 0.035m² 8. Diện tích bề mặt phin lọc động mạch: 130cm² 9. Lưu lượng máu tối đa: 1.5 lít/phút 10. Thể tích mỗi tĩnh: 43ml 11. Dung tích bình dự trữ: 1.000ml. 12. Thể tích tối thiểu của bình dự trữ đảm bảo để vận hành: 15ml 13. Bộ phận lọc tĩnh mạch: Polyester Screen. lỗ cỡ 47micron 14. Áp lực âm tối đa trong bình dự trữ: -150mmHg	1 bộ/ Hộp	Bộ	10	
52	N07.01.211	Phin lọc động mạch(Filter)	Phin lọc động mạch trẻ nhỏ/ trẻ lớn • Chất liệu: Polyester • Diện tích lỗ lọc: 32 micron/37 micron • Lưu lượng tối đa: 2.5ml/phút; 7 ml/phút • Thể tích mỗi máu: 40ml/ 125ml • Lớp phủ bề mặt sinh học: Xcoating	1 bộ/ Hộp	Bộ	20	
53	N07.01.211	Quả lọc máu kèm dây dẫn	Quả lọc máu có cấu tạo bởi màng polyethersulfone, có tính tương thích sinh học cao. Lọc được các chất: Urea, Creatine, Phosphates, Vitamine B12. Diện tích bề mặt: 0.25m² Thể tích dịch mỗi (Circuit): 45ml Áp lực tối đa: 66kPa Dây dẫn quả lọc máu kèm túi đựng chất thải.	04 bộ/ thùng	Bộ	20	
54	N07.01.211	Phổi nhân tạo	Phổi nhân tạo Affinity Pixie có thể tích bình chứa máu 1200ml, chất liệu màng Microporous polypropylene hollow fiber, bề mặt sinh học Balance, thể tích bơm mỗi 48ml, diện tích bề mặt 0,67m², khoảng tốc độ dòng từ 0,1-2,0l/phút. Áp lực trao đổi nước tối đa là 206kPa, áp lực trao đổi máu tối đa 100kPa. Bộ trao đổi nhiệt làm từ chất liệu Polyethylen terephthalat (PET)	1 bộ/ hộp	Bộ	10	

STT	Mã VTYT theo TT 04/2017/TT-BYT	Tên hàng hoá, vật tư, hoá chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
55	N08.00.260	Clip titan (M)	- Chất liệu: Titanium - Hình chữ V. Tương thích với kim kẹp clip cỡ 0,59mm-1,42mm. Kẹp được mạch máu cỡ 0,3 mm đến 7,5mm - Clip khi mở dài lần lượt 3,2-4,7-8,0-11,9mm, rộng 2,1-2,9-5,2-5,4mm. Clip khi đóng dài lần lượt 3.7-5,4-9,0-12,3mm	Vi 6 cái	Cái	12	
56	N08.00.260	Clip titan (S)	- Chất liệu: Titanium - Hình chữ V. Tương thích với kim kẹp clip cỡ 0,59mm-1,42mm. Kẹp được mạch máu cỡ 0,3 mm đến 7,5mm - Clip khi mở dài lần lượt 3,2-4,7-8,0-11,9mm, rộng 2,1-2,9-5,2-5,4mm. Clip khi đóng dài lần lượt 3.7-5,4-9,0-12,3mm	Vi 6 cái	Cái	12	
57	N08.00.420	Dung dịch ghép tạng	Thành phần: 1000ml dung dịch có chứa:• Sodium chloride 0.8766 g 15.0 mmol/l•Potassium chloride 0.6710g 9.0 mmol/l• Magnesium chloride.6H2O 0.8132g 4.0 mmol/l• Histidine hydrochloride.H2O 3.7733g 18.0 mmol/l• Histidine 27.9289g 180.0 mmol/l•Tryptophan 0.4085 g 2.0 mmol/l•Mannitol5.4651 g 30.0 mmol/l•Calcium chloride.2H2O 0.0022 g 0.015 mmol/l•Potassium hydrogen 2-oxopentadioate 0.1842 g 1.0 mmol/l(Tên đồng nghĩa Potassium hydrogen 2-ketoglutarate)•Potassium hydroxide 2N to pH adjustment q.s.•Nước tiêm q.s. 1000ml-Tính chất vật lý: pH: 7.02-7.20 tại 25°C; 7.40-7.45 tại 4°C; Thẩm thấu: 310 mOsm/kg.	1 túi/hộp	Túi	20	

STT	Mã VTYT theo TT 04/2017/TT-BYT	Tên hàng hoá, vật tư, hoá chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
58		Bộ khăn áo phẫu thuật tim hở	1 x Khăn trải bàn dụng cụ 200x300cm, 1 x Khăn mỏ tim 260x380cm, được cấu tạo từ vải không dệt cao cấp 6 lớp SSMMMS, chống thấm cồn, chống tĩnh điện.. 1 x Khăn đa dụng 15x30cm, chất liệu vải 130gsm thấm hút cao 4 x Khăn có keo 60x90cm, chất liệu vải không dệt 5 lớp chống thấm nước, chống cồn, chống tĩnh điện với băng keo y tế. 1 x Khăn có lỗ tròn 50x60cm 1 x Khăn phủ dụng cụ 150x160cm, được cấu tạo từ màng plasstic trong 40micron. 2 x Túi dụng cụ 35x40cm. Cấu tạo từ plastic trong, có băng keo đầu. 6 x Băng keo OP 10x50cm không gây kích ứng da, 4 x Khăn thấm 30x40cm 7 áo phẫu thuật chất liệu vải không dệt 6 lớp SSMMMS 50gsm gia cố thân phía trước 1 lớp chống thấm đảm bảo không thấm dịch và chất bẩn vào phía trong. Qui cách đóng gói: đóng gói tiết trùng riêng 7 áo phẫu thuật với bộ khăn mỏ tim riêng. Đảm bảo yêu cầu về độ dính của lớp băng keo chặt, bám dính tốt, khó tách rời. Đạt tiêu chuẩn AAMI level3. Sản phẩm được sản xuất trong môi trường phòng sạch đạt chuẩn class 8 Đạt chứng nhận chất lượng ISO 13485, CE	1 Bộ/ Túi	Bộ	10	
59		Bộ khăn trải can thiệp dùng 1 lần	1 x Khăn trải bàn 1 x Khăn chụp mạch vành 1 x Bao chụp đầu đèn 1 x Bao kính chắn chì 1 x Bao remote 2 x Khăn thấm 3 x Áo phẫu thuật Bộ khăn đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	1 Bộ/ Túi	Bộ	35	
60		Bàn chải dao mổ điện	Bàn chải cho tay dao mổ điện gồm 1 lớp xốp mềm và 1 lớp giấy ráp, sử dụng để làm sạch tay dao mổ điện trong phẫu thuật. Kích thước 5x5cm	1 cái/ túi	Cái	10	

STT	Mã VTYT theo TT 04/2017/TT-BYT	Tên hàng hoá, vật tư, hoá chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
61		Bản cực trung tính dùng 1 lần	Bản cực trung tính cho dao mổ điện sử dụng một lần không dây, dùng cho trẻ em. Loại bipolar: Chống bong. Kiểu: Hai mảng rời. - Bản cực trung tính dùng 1 lần làm từ chất liệu: gồm 1 lớp gel/ nhôm và 1 lớp bột xốp PE. Kích thước của lớp Gel/ Nhôm là 14,68 x 7 cm Chiều dài x chiều rộng bản cực khoảng: 14,7 x 8,9 cm. Áp dụng trẻ cân nặng: 5 kg - 15 kg Dùng tương thích với dao điện cao tần	1 cái/ túi	Cái	10	
62		Cuvette thử chức năng đông máu dùng cho máy đo đông máu Hemochron Signature Elite (Hoá chất dùng cho máy đo đông máu)	Cuvette thử chức năng đông máu dùng cho máy Hemochron Signature Elite - Chất phản ứng: Silica, Kaolin - Mức Heparin đáp ứng: 1-6 đv/ml máu, số kênh thử: 1 - lượng máu cần thiết: 1-2 giọt, dung xi lạnh 1ml - Tương thích với máy Hemochron Signature Elite. -Tiệt khuẩn - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và FDA	45 cuvette/ hộp	Hộp	3	
63		Test khí máu phù hợp dùng cho máy khí máu RAPIDPoint 500e (Rp500 Measurement Cartridge Lac)	Hóa chất chạy rửa mẫu có lactate trên hệ thống Rapidpoint 500 đóng gói cartridge công suất 250 test. Cartridge đo bao gồm các cảm biến, thuốc thử và các thành phần chất lỏng cần thiết để phân tích mẫu bệnh phẩm và hiệu chuẩn trên hệ thống. Các cảm biến trong cartridge có khả năng đo lường các chỉ số pH, pO2, pCO2, Na+, K+, Ca++, Cl-, glucose, lactate, hemoglobin toàn phần, oxyhemoglobin, deoxyhemoglobin, methemoglobin, carboxyhemoglobin và neonatal bilirubin. Mỗi cartridge sử dụng ổn định trong 28 ngày khi được cài đặt trên hệ thống. Bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C. Sử dụng cho máy phân tích khí máu: Model: Rapidpoint 500e	250 test/ hộp	Hộp	4	
64		Wash/Waste Cartridge	Hóa chất rửa thải có chứa thuốc rửa để làm sạch đường dẫn mẫu sau khi phân tích và hiệu chuẩn. Bao gồm 250 ml chất rửa với muối, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản trong nước khử ion. Mỗi cartridge rửa thải sử dụng ổn định trong 10 ngày sau khi được cài đặt trên hệ thống. Bảo quản ở nhiệt độ 2-25°C	4bộ/hộp	Bộ	12	